**Đề luyện thi Trạng nguyên tiếng Việt lớp 4**

**Nối 2 ô để được từ đồng nghĩa.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Hạt gạo | Cá lóc | Đỗ | Lợn | Chất béo |
| mè | Heo | Dầu mỡ | Hổ | Vừng |
| Đất | Lạc | Đậu phộng | Đậu | Thủy |
| Hạt lúa | Địa | Nước | Cá quả | Cọp |

**Điền chữ hoặc từ thích hợp vào chỗ trống.**

Câu 1. Sự tích hồ ……… bể.

Câu 2. Đ……àn kết

Câu 3. Nhâ…….. đạo

Câu 4. Lá trầu khô giữa ……. trầu.

Câu 5. Dế ………. bênh vực kẻ yếu.

Câu 6. Một cây làm chẳng nên ………….

Câu 7. Nh…..n ái

Câu 8. Ở ……… gặp lành.

Câu 9. Nhân ………….ậu

Câu 10. Thương người như thể …………… thân.

Câu 11. Trong tiếng “hoài” thì âm đầu là chữ ………….

Câu 12. Điền từ còn thiếu vào câu thơ:

“Đường vô xứ Nghệ quanh quanh
Non xanh …………..ước biếc như tranh họa đồ”

Cấu 13. Điền từ còn thiếu vào câu ca dao:

“Anh em như thể chân tay
Rách ………….ành đùm bọc, dở hay đỡ đần”.

Câu 14. Bài thơ “Truyện cổ nước mình” do nhà thơ Lâm Thị ……… Dạ viết.

Câu 15. Trong bài thơ “Nàng tiên Ốc” thì bà già đã nhặt được con ốc có vỏ màu biêng biếc ……….

Câu 16. Điền từ còn thiếu vào câu ca dao:

“Khôn ngoan đối đáp người ngoài
Gà cùng một mẹ chớ hoài …………… nhau”.

Câu 17. Từ “hoài” có âm đầu là h, vần là oai, vậy có thanh là thanh ………….uyền.

Câu 18. Hãy chỉ ra vần của tiếng “lành”: Vần của tiếng “lành” là …………….. anh

Câu 19. Trái nghĩa với từ đùm bọc hoặc ………….úp đỡ là từ ức hiếp.

Câu 20. Trái nghĩa với từ nhân hậu hoặc yêu thương là từ độc á……………..

### Đề luyện thi Trạng nguyên tiếng Việt lớp 4 vòng 3

**Bài 1. Điền từ hoặc số thích hợp vào ô trống**

Câu 1. Bán mặt cho đất, bán …………….cho trời.

Câu 2. Bụng ……… ……dạ chịu.

Câu 3. Bới …………tìm vết.

Câu 4. Ăn cỗ đi trước, lội nước theo ……….. .

Câu 5. Bình cũ, rượu …… …….

Câu 6. Chọn mặt gửi …… ……..

Câu 7. Chim …… ……, cá lặn.

Câu 8. Chó …… …..mèo đậy

Câu 9. Ba …… ……một lời.

Câu 10. Chia năm …… …….bảy.

Câu 11. Ba chìm, bảy …… ……, chín lênh đênh

Câu 12. Bán anh em xa, …… ……láng giềng gần.

Câu 13. Ba mặt một …… …….

Câu 14. Bài …… …..bố trận.

Câu 15. Ba cọc …… …….đồng.

Câu 16. Ba ……………chích chòe.

Câu 17. Bán sống bán …… ……..

Câu 18. Bách chiến, bách …… …..

**Bài 2. Chọn đáp án đúng**

Câu 1 . Dòng nào dưới đây là từ ghép?

a. cuống cuồng, lung linh, lênh đênh

b. phơi phới, run rẩy, xao xác

c. lóng lánh, náo nức, nhau nhảu

d. cây cỏ, núi non, bãi bờ

Câu 2. Dòng nào dưới đây gồm các từ viết đúng chính tả?

a. bương chải, lọm khọm, rụt rè

b. lung lay, rộn ràng, dõng dạc

c. rì rào, xấu xí, băn khoăng

d. chăm chỉ, kiêng nhẫn, chinh phục

Câu 3. Điền từ còn thiếu vào chỗ trống để hoàn thành đoạn thơ sau:

"Nếu chúng mình có phép lạ

Hóa trái bom thành trái ...

Trong ruột không còn thuốc nổ

Chỉ toàn kẹo với bi tròn."

(Trích "Nếu chúng mình có phép lạ", SGK Tiếng Việt 4, tập 1)

a. hoa b. ngon c. thơm d. đẹp

Câu 4. Giải câu đố: Để nguyên có ở ngoài da

Thêm huyền lại biến thành nhà cho chim.

Từ thêm huyền là từ nào?

a. cầu b. làng c. lồng d. quàng

Câu 5. Đoạn thơ sau sử dụng biện pháp nghệ thuật nào?

"Đã có ai lắng nghe

Tiếng mưa trong rừng cọ

Như tiếng thác dội về

Như ào ào trận gió"

(Nguyễn Viết Bình)

a. nhân hóa b. so sánh

c. nhân hóa và so sánh d. nhân hóa và đảo ngữ

Câu 6. Dòng nào sau đây viết đúng tên người, tên địa lí nước ngoài?

a. Bạch Cư Dị, Công-gô, niagara

b. Tô-ki-ô, Bồ Đào Nha, Tô-mát Ê-đi-xơn

c. Tô-ki-ô, Bồ Đào Nha, Tô-mát Ê-đi-xơn

d. Ita-lia, Ấn Độ, Thích Ca Mâu Ni

Câu 7. Từ nào dưới đây có nghĩa là tuyên truyền, giải thích, động viên để người khác tự nguyện làm một việc nào đó?

a. dằn vặt

b. loan tin

c. vận động

d. phò tá

Câu 8. Dòng nào sau đây viết sai chính tả?

a. rung rinh, say mê

b. sững sờ, xứng đáng

c. man mát, chí tuệ

d. giàn giụa, vằng vặc

Câu 9. Đoạn thơ sau đây có mấy từ láy?

"Chú bé loắt choắt

Các xắc xinh xinh

Cái chân thoăn thoắt

Cái đầu nghênh nghênh"

(Tố Hữu)

a. 1 b. 2 c. 3 d. 4

Câu 10. Trần Đăng Khoa là tác giả của bài thơ nào dưới đây?

a. Nếu chúng mình có phép lạ b. Mẹ ốm

c. Truyện cổ nước mình d. Tre Việt Nam

Câu 11. Thành ngữ nào có nghĩa là “danh tiếng, tên tuổi và sự nghiệp được lưu truyền muôn đời”?

a. lòng son dạ sắt b. danh bất hư truyền

c. lưu danh thiên cổ d. cả 3 đáp án

Câu 12. Có bao nhiêu cách mở bài trong văn kể chuyện?

a. một b. hai c. ba d. bốn

Câu 13. Biện pháp nghệ thuật nào được sử dụng trong câu: “Chị Sứ yêu Hòn Đất bằng cái tình yêu hầu như là máu thịt”?

a. so sánh b. nhân hóa c. so sánh và nhân hóa d. cả 3 đáp án sai

Câu 14. Từ nào trái nghĩa với từ “nhanh nhẹn”?

a. thông minh b. thoăn thoắt c. cuống quýt d. chậm chạp

Câu 15. Từ nào dưới đây là tính từ chỉ độ cao?

a. lênh đênh b. công lênh c. lênh khênh d. lênh láng

Câu 16. Làm việc liên tục, bền bỉ được gọi là gì?

a. kiên trì b. kiên trung c. kiên cố d. kiên tâm

câu 17. Trong các từ sau, từ nào là từ láy?

a. châm chọc b. thơm thảo c. tên tuổi d. thướt tha

Câu 18. Từ “ nhỏ” trong câu: Bà nhỏ thuốc đau mắt cho tôi” thuộc từ loại nào?

a. tính từ b. danh từ c. động từ d. không có phương án

Câu 19. Từ “đứng” trong khổ thơ sau thuộc từ loại nào?

Vẫn còn bao nhiêu nắng

Đã vơi dần cơn mưa

Sấm cũng bớt bất ngờ

Trên hàng cây đứng tuổi. (Sang thu – Hữu Thỉnh)

a. động từ b. danh từ c.tính từ d. đại từ

Câu 20. Biện pháp nghệ thuật nào được sử dụng trong câu: Trái nhót như ngọn đèn tín hiệu . (Phạm Tiến Duật)

a. so sánh b. nhân hóa c. so sánh và nhân hóa d. cả 3 đáp án

**I. Đề luyện thi Trạng nguyên tiếng Việt lớp 4 Vòng 4**

**Bài 1. Sắp xếp lại vị trí các từ để thành câu phù hợp.**

**Câu 1.** Ngày/mười/ tối/ đã/ . / tháng/ chưa/ cười

…………………………………………………….

**Câu 2.**nở./ có/ hoa/ đào/ Mùa/ xuân

…………………………………………………….

**Câu 3**. như/ hiệu./ đèn/ ngọn/ tín/ nhót/ Trái

…………………………………………………….

**Câu 4.** Đăng/ Đồng/ . / Kì/ phố/ có/ Lừa

…………………………………………………….

**Câu 5.** th/ v/ ng/ ượ/ ịnh

…………………………………………………….

**Câu 6**. vẹn./ tình/ trọn/ nghĩa/ Phải/ minh, / trái/ phân

…………………………………………………….

**Câu 7.** thì/ trì./ được/ phật, / Người/ ngay/ tiên/ độ

…………………………………………………….

**Câu 8.** / . / tháng/ đã/ Đêm/ năm/ sáng / chưa / nằm

…………………………………………………….

**Câu 9.** ngọn/ dầu./ đèn/ lửa/ Quả/ như/ ớt

…………………………………………………….

**Câu 10**. mà/ rã/ sóng/ tay/ thấy/ chèo. / cả/ Chớ

…………………………………………………….

**Bài 2. Nối 2 ô với nhau để được cặp từ trái nghĩa.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Quá khứ | Bừa bộn | Lười biếng | ấp úng | Nhỏ bé |
| Giống nhau | Hiền lành | Hiện tại | To lớn | Đục ngầu |
| Siêng năng | Bất hạnh | Lưu loát | Bằng phẳng | Trong veo |
| Ngăn nắp | Hạnh phúc | Khác nhau | Độc ác | Nhấp nhô |

**Bài 3. Chọn đáp án đúng.**

Câu 1. Dòng nào dưới đây gồm những từ viết đúng chính tả?

a. lưu luyến, lòe loẹt, nong nanh b. lạnh lùng, não lùng, nóng nảy

c. lành lặn, lanh lợi, nâng niu d. lung lay, lấp loáng, nô lức

Câu 2. Biện pháp nghệ thuật nào được sử dụng trong khổ thơ sau?

"Sông được lúc dềnh dàng

Chim bắt đầu vội vã

Có đám mây mùa hạ

Vắt nửa mình sang thu"

(Hữu Thỉnh)

a. so sánh b. nhân hóa c. đảo ngữ d. so sánh và nhân hóa

Câu 3. Xi-ôn-cốp-xki trong bài tập đọc " Người tìm đường lên các vì sao" ước mơ điều gì?

a. Ông ước được đi ra nước ngoài.

b. Ông ước có thể xây một ngôi nhà lớn.

c. Ông ước được bay lên bầu trời.

d. Ông ước trở thành người giàu có.

Câu 4. Khổ thơ sau đây có bao nhiêu lỗi chính tả?

"Hôm qua còn nấm tấm

Chen lẫn màu lá sanh

Sáng nay bừng lửa thắm

Rừng rực cháy trên cành."

(Lê Huy Hòa)

a. 1 b. 2 c. 3 d. 4

Câu 5. Chức năng chính của câu nghi vấn là gì?

a. dùng để kể b. dùng để bộc lộ cảm xúc

c. dùng để hỏi về những điều chưa biết d. dùng để yêu cầu

Câu 6. Không sắc thì chỉ là ba.

Đến khi có sắc hóa ra rất nhiều

Từ không sắc là từ gì?

a. ba b. tam c. lam d. tan

Câu 7. Cao Bá Quát là nhân vật trong câu chuyện nào dưới đây?

a. Người tìm đường lên các vì sao b. vẽ trứng

c. Ông Trạng thả diều d. Văn hay chữ tốt

Câu 8. Các từ: "ngọt lịm, bé xíu, trắng ngần" thuộc từ loại nào?

a. danh từ b. động từ c. tính từ d. trạng từ

Câu 9. Tiếng "chí" trong những từ nào dưới đây có nghĩa là ý muốn bền bỉ theo đuổi một mục đích tốt đẹp?

a. chí phải, đồng chí b. chí lí, chí tình

c. chí thân, chí công d. ý chí, quyết chí

Câu 10. Dấu câu nào thường được dùng để dẫn lời nói trực tiếp của nhân vật hoặc của người nào đó và để đánh dấu những từ ngữ được dùng với ý nghĩa đặc biệt?

a. dấu phẩy b. dấu chấm

c. dấu ngoặc kép d. dấu chấm hỏi

**II. Đáp án đề luyện thi Trạng nguyên tiếng Việt lớp 4 Vòng 4**

**Bài 1. Sắp xếp lại vị trí các từ để thành câu phù hợp.**

**Câu 1.** Ngày/mười/ tối/ đã/ . / tháng/ chưa/ cười

………Ngày tháng mười chưa cười đã tối.…………….

**Câu 2.**nở./ có/ hoa/ đào/ Mùa/ xuân

………Mùa xuân có hoa đào nở.…………….

**Câu 3**. như/ hiệu./ đèn/ ngọn/ tín/ nhót/ Trái

………Trái nhót như ngọn đèn tín hiệu.……………….

**Câu 4.** Đăng/ Đồng/ . / Kì/ phố/ có/ Lừa

………Đồng Đăng có phố Kì Lừa.………….

**Câu 5.** th/ v/ ng/ ượ/ ịnh

………thịnh vượng….

**Câu 6**. vẹn./ tình/ trọn/ nghĩa/ Phải/ minh, / trái/ phân

………Phải trái phân minh, nghĩa tình trọn vẹn.…………….

**Câu 7.** thì/ trì./ được/ phật, / Người/ ngay/ tiên/ độ

………Người ngay thì được phật, tiên độ trì.………….

**Câu 8.** / . / tháng/ đã/ Đêm/ năm/ sáng / chưa / nằm

………Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng……….

**Câu 9.** ngọn/ dầu./ đèn/ lửa/ Quả/ như/ ớt

………Quả ớt như ngọn lửa đèn dầu.…………….

**Câu 10**. mà/ rã/ sóng/ tay/ thấy/ chèo. / cả/ Chớ

………Chớ thấy sóng cả mà rã tay chèo.……….

**Bài 2. Nối 2 ô với nhau để được cặp từ trái nghĩa.**

Quá khứ >< hiện tại

hiền lành >< độc ác

to lớn >< nhỏ bé

Giống nhau >< khác nhau

bất hạnh >< hạnh phúc

bằng phẳng >< nhấp nhô

Siêng năng >< lười biếng

lưu loát >< ấp úng

đục ngầu >< trong veo

Ngăn nắp >< bừa bộn

**Bài 3. Chọn đáp án đúng.**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| c | b | c | b | c | b | d | c | d | c |

**Đề luyện thi Trạng nguyên tiếng Việt lớp 4 Vòng 5**

**Điền từ vào chỗ trống**

Câu hỏi 1: Điền từ phù hợp vào chỗ trống: "(Chống chọi) một cách kiên cường, không lùi bước gọi là gan …………… "(sgk4-tập2-trang74)

Câu hỏi 2: Điền từ phù hợp vào chỗ trống: "Ngành nghiên cứu các vật thể trong vũ trụ gọi là …………. văn học."

Câu hỏi 3: Điền từ phù hợp vào chỗ trống: “Khi nêu yêu cầu, đề nghị phải giữ phép ……… sự.”

Câu hỏi 4: Điền từ phù hợp vào chỗ trống: "Gan ….. có nghĩa là không sợ nguy hiểm.

Câu hỏi 5: Điền từ phù hợp vào chỗ trống:

Mùa xuân là tết trồng cây,

Làm cho đất nước càng ngày càng ……….

Câu hỏi 6: Điền từ phù hợp vào chỗ trống: “Gan ……. tức là trơ ra, không biết sợ là gì.”

Câu hỏi 7: Điền từ phù hợp vào chỗ trống:

Buồn trông ch……chếch sao Mai

Sao ơi sao hỡi nhớ ai sao mờ

(Ca dao)

Câu hỏi 8: Điền s hay x vào chỗ trống: "Đứng mũi chịu sào nơi đầu …..óng ngọn gió."

Câu hỏi 9: Điền từ phù hợp vào chỗ trống: "Khi viết, cuối câu cầu khiến có dấu chấm than hoặc dấu ………….

Câu hỏi 10: Điền từ phù hợp vào chỗ trống:

"Người thanh nói tiếng cũng thanh

Chuông kêu khẽ đánh bên thành cũng …………"

**Chọn đáp án đúng.**

Câu 1. Từ nào dưới đây có tiếng “trung” có nghĩa là một lòng một dạ?

a. trung tâm

b. trung bình

c. trung hậu

d. trung thu

Câu 2. Chủ ngữ trong câu “Những chú chim sẻ nhỏ hót lít lo trong vòm cây” là:

a. những chú chim

b. những chú chim sẻ

c. những chú chim sẻ nhỏ

d. chú chim

Câu 3. Từ nào dưới đây có tiếng “tài” khác nghĩa với các từ còn lại?

a. tài sản

b. tài chính

c. tài trợ

d. tài năng

câu 4. Trong câu “ Các chú ve ôm đàn ca hát cùng hoa phượng” , tác giả đã dùng biện pháp nghệ thuật nào?

a. nhân hóa

b. so sánh

c. nhân hóa và so sánh

d. tất cả đều sai

câu 5. Dòng nào dưới đây đều đúng nghĩa của từ “vạm vỡ”?

a. cơ thể có nhiều mỡ

b. có thân hình to lớn, nở nang, rắn chắc, trông rất khỏe mạnh.

c. cơ thể có ít mỡ và thịt

d. có cơ thể cao, gầy.

Câu 6. Để nguyên nghe hết mọi điều

Thêm dấu huyền nữa rất nhiều người khen.

Từ để nguyên là từ gì?

a. Mai

b. Tai

c. Tay

d. Mắt

Câu 7. “Bốn anh tài” là truyện cổ của dân tộc nào?

a. Truyện cổ dân tộc Ê-đê

b. Truyện cổ dân tộc Thái

c. Truyện cổ dân tộc Tày

d. Truyện cổ dân tộc Dao

Câu 8. Câu hỏi: “Bức tranh này mà đẹp à?” dùng để làm gì?

a. để yêu cầu mong muốn

b. để khẳng định

c. để khen

d. để chê

câu 9. Dòng nào dưới đây nêu cao phẩm chất tốt đẹp của con người?

a. Tốt gỗ hơn tốt nước sơn

b. Mặt thoa da phấn

c. Trắng như trứng gà bóc

d. Đẹp người đẹp nết.

Câu 10. Dòng nào dưới đây gồm các từ chỉ đặc điểm của một cơ thể khỏe mạnh?

a. vạm vỡ, cường tráng, lực lưỡng

b. xanh xao, mập mạp, to béo

c. gầy gò, săn chắc, vạm vỡ

d. mũm mĩm, nhỏ nhắn, gầy yếu.

**Nối 2 ô với nhau để được từ trái nghĩa**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Nhấp nhô | Yêu thương | Tranh giành | Thú vị | Bằng phẳng |
| Bất tiện | Chặt chẽ | Ghét bỏ | Quang đãng | Rậm rạp |
| Phi pháp | Hợp pháp | Lỏng lẻo | Nông cạn | Nhường nhịn |
| Sâu sắc | Tiện lợi | Tự nhiên | Nhân tạo | Nhàm chán |

### Đề luyện thi Trạng nguyên tiếng Việt lớp 4 Vòng 6

**Điền từ hoặc số thích hợp vào chỗ chấm**

Câu 1. Đói cho sạch rách cho ………..

Câu 2. Trung ………..ái quốc

Câu 3. Vạn sự khởi đầu ………..

Câu 4. An ………..lạc nghiệp.

Câu 5. Trọng nghĩa khinh …………

Câu 6. Đất khách …………..người

Câu 7. Tài cao …………….trọng

Câu 8. Quang ……………chính đại

Câu 9. Trẻ người ………….dạ

Câu 10. Vườn ………..nhà trống

**Chọn đáp án đúng.**

Câu 1. Đoạn văn sau đây có bao nhiêu lỗi sai chính tả?

"Bên vệ đường sừng sững một cây sồi. Đó là một cây sồi lớn, hai người ôm không suể, có những cành có lẽ đã gãy từ lâu, vỏ cây nứt nẻ và đầy sẹo. Với những cánh tay xù sì không cân đối, những ngón tay quều qào xoè rộng, nó như một con quái vật già nua, cau có và khinh khỉnh đứng giữa đám bạch dương tươi cười."

(Theo Lép Tôn-xtôi)

a. 1 b. 2 c. 3 d. 4

Câu 2. Dòng nào dưới đây chỉ gồm các từ viết đúng chính tả?

a. dành dụm, thăm quan, bò xát, giục giã

b. trăn trở, xúc tích, chải chuốt, trau chuốt

c. đường sá, xán lạn, sơ suất, chạm trổ

d. giành giật, phố sá, trò chuyện, sản xuất

Câu 3. Điền các từ láy thích hợp vào khổ thơ dưới đây:

"Người các ấp tưng bừng ra chợ Tết

Họ vui vẻ kéo hàng trên cỏ biếc

Những thằng cu áo đỏ chạy ...

Vài cụ già chống gậy bước ... ."

(Theo Đoàn Văn Cừ)

a. lon ton - lụ khụ b. lung tung - lững thững

c. lăng xăng - chậm chạp d. lon xon - lom khom

Câu 4. Hình ảnh "Trong đạn bom đổ nát/Bừng tươi nụ ngói hồng" trong bài thơ "Bè xuôi sông La" của Vũ Duy Thông nói lên điều gì?

a. Câu thơ nói về vẻ đẹp kì vĩ, tráng lệ của vùng đồng bằng chiêm trũng của nước ta sau chiến tranh.

b. Câu thơ miêu tả vẻ đẹp cường tráng, khỏe mạnh của con người vùng sông nước.

c. Câu thơ nói về tài trí, sức mạnh của nhân dân trong công cuộc dựng xây đất nước, bất chấp bom đạn của kẻ thù.

d. Câu thơ nói về sự tàn khốc của chiến tranh, chiến tranh đã gây nên nhiều nỗi đau cho con người.

Câu 5. Giải câu đố sau:

Để nguyên có nghĩa là nhà

Hỏi vào sẽ chẳng thật thà nữa đâu

Thêm huyền tóc trắng, bạc râu

Sắc vào thì thấy như vừa đông sang.

Từ thêm dấu sắc là từ gì?

a . giá b. rét c. buốt d cóng

Câu 6. Câu nào dưới đây không phải là câu kể "Ai làm gì?" ?

a. Phụ nữ giặt giũ bên giếng nước.

b. Các cụ già trò chuyện bên bếp lửa.

c. Các bà, các chị sửa soạn khung cửi.

d. Cả thung lũng giống như một bức tranh thủy mặc.

Câu 7. Đoạn thơ dưới đây có bao nhiêu từ phức?

"Hai cha con bước đi trên cát

Ánh mặt trời rực rỡ biển xanh

Bóng cha dài lênh khênh

Bóng con tròn chắc nịch."

(Hoàng Trung Thông)

a. 4 b. 5 c. 6 d. 7

Câu 8. Thành ngữ nào sau đây viết sai?

a. Quýt làm cam chịu b. Rào trước đón sau

c. Im hơi lặng tiếng d. Ăn ngon mặc sướng

Câu 9. Khổ thơ sau đây sử dụng biện pháp nghệ thuật nào?

"Dù giáp mặt cùng biển rộng

Cửa sông chẳng dứt cội nguồn

Lá xanh mỗi lần trôi xuống

Bỗng...nhớ một vùng núi non..."

(Quang Huy)

a. so sánh b. nhân hóa

c. đảo ngữ d. điệp ngữ

Câu 10. Bài thơ "Đoàn thuyền đánh cá" do ai sáng tác?

a. Huy Cận b. Định Hải

c. Đoàn Văn Cừ d. Nguyễn Đức Mậu

**Chọn đáp án đúng.**

Câu 1. Đoạn văn sau có bao nhiêu lỗi sai chính tả?
"Bạch dương xanh tuyệt đẹp trong mùa hè, ngả sắc vàng dợi trong mùa thu và toát lên vẻ cô liêu buồn bã nhớ thương giữa tuyết trắng tinh khôi trong mùa đông lạnh giá. Trong khi đó thì lá cây phong vào mùa đông lại đỏ rực lên, phủ khắp công viên một màu đỏ như lửa, như bộ lông khổng lồ, ấm áp của chú cáo lửa trong chuyện cổ tích. Khách du lịch đến Mátx-cơ-va đều nhặt một vài chiếc lá phong làm quà lưu niệm để nhớ về nước nga."

(Theo Trường Giang)

A. 3 b. 4 c. 5 d. 6

Câu 2. Nhóm từ nào dưới đây chỉ gồm các từ ghép?

a. tung tăng, nhỏ nhoi, lang thang

b. nhớ nhung, nhẹ nhàng, mênh mang

c. bờ bãi, nhỏ nhắn, lênh đênh

d. ngõ ngách, nhỏ nhẹ, tươi tỉnh

Câu 3. Thành ngữ nào sau đây viết sai?

a. Khai thiên lập địa b. Gan vàng dạ thép

c. Sinh cơ lập nghiệp d. Gan lì tướng quân

Câu 4. Câu nào dưới đây có dấu (/) phân tách đúng bộ phận chủ ngữ và vị ngữ?

a. Trong rừng, tiếng suối/ chảy róc rách.

b. Đó là một chiếc áo / làm bằng vải dạ.

c. Trong rừng, tiếng chim chóc gọi nhau / ríu ran không ngớt.

d. Bầy sáo / cánh đen mỏ vàng chấp chới liệng trên cánh đồng.

Câu 5. Những câu thơ nào dưới đây sử dụng biện pháp nghệ thuật so sánh?

a. Cọ xòe ô che nắng/Râm mát đường em đi.

b. Đêm lạnh cành sương đượm/Long lanh bóng nguyệt vờn.

c. Những tia nắng ùa tới/Nhảy múa khắp căn phòng.

d. Chân trời như cửa ngõ/Thả sức gió đi về.

Câu 6. Chiếc bè gỗ trong bài thơ "Bè xuôi sông La" được ví với hình ảnh nào?

a. bầy cá b. bầy trâu

c. bầy ong d. bầy chim

Câu 7. Dòng nào dưới đây gồm các từ viết đúng chính tả?

a. dặt dìu, rung ring, né tránh b. leo lẻo, nóng lực, bộc lộ

c. nỗ lực, kĩ xảo, sắc xảo d. dinh dưỡng, giễu cợt, líu ríu

Câu 8. Câu nào dưới đây không phải là câu kể "Ai thế nào?" ?

a. Bình minh, mặt trời như chiếc thau đồng đỏ ối.

b. Thu đến, từng chùm quả chín vàng trong kẽ lá.

c. Chín, mười đứa bé chúng tôi bắt tay nhau ôm không xuể.

d. Lá cờ đỏ thắm phấp phới bay trong gió.

Câu 9. Giải câu đố sau:

Em là chim đẹp trong rừng

Nặng vào phép toán không ngừng tăng lên.

Từ giữ nguyên là từ gì?

a. hạc b. yến c. công d. sáo

Câu 10. Bài tập đọc "Ông Trạng thả diều" kể về Trạng nguyên nào của nước ta?

a. Nguyễn Bỉnh Khiêm b. Mạc Đĩnh Chi

c. Lương Thế Vinh d. Nguyễn Hiền